

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN CUỐI HỌC KÌ I – SINH 10

Câu 1. Các cấp tổ chức sống trên cơ thể được sắp xếp theo trình tự đúng là :

- A. Cơ thể → hệ sinh thái → quần xã → quần thể → sinh quyển.
- B. Cơ thể → quần thể → quần xã → hệ sinh thái → sinh quyển.
- C. Cơ thể → quần xã → hệ sinh thái → quần thể → sinh quyển.
- D. Cơ thể → quần xã → quần thể → hệ sinh thái → sinh quyển.

Câu 2. Trong các phân tử sau phân tử nào có cấu trúc đa phân?

- A. Protein phospholipid .
- B. Chitin, protein .
- C. Lipid, protein .
- D. Chitin, lipid.

Câu 3. Truyền tin trong tế bào gồm các giai đoạn:

- A. tiếp nhận tín hiệu → đáp ứng tín hiệu nhận được → truyền tín hiệu.
- B. tiếp nhận tín hiệu → truyền tín hiệu → đáp ứng tín hiệu nhận được.
- C. tiếp nhận tín hiệu → đáp ứng tín hiệu nhận được.
- D. truyền tín hiệu → tiếp nhận tín hiệu → đáp ứng tín hiệu nhận được.

Câu 4. Sinh vật nào sau đây **không** phải là sinh vật nhân thực?

- A. Động vật
- B. Thực vật
- C. Vi khuẩn
- D. Nấm

Câu 5. Nồng độ ion Na^+ trong đất là 0,3M, trong tế bào lông hút là 0,4M. Tế bào lông hút sẽ hấp thụ ion khoáng này bằng cơ chế.

- A. vận chuyển chủ động.
- B. khuếch tán.
- C. nhập bào
- D. vận chuyển thụ động.

Câu 6. Điều không phải nội dung cơ bản của học thuyết tế bào

- A. Tế bào là đơn vị chức năng của sự sống.
- B. Hoạt động sống của tế bào là sự phối hợp hoạt động của các bào quan trong tế bào.
- C. Tất cả các sinh vật đều được cấu tạo từ tế bào.
- D. Các tế bào có thành phần hóa học tương tự nhau, có vật chất di truyền là DNA.

Câu 7. Có bao nhiêu chất được vận chuyển theo cơ chế chủ động qua màng tế bào?

- A. 4.
- B. 3.
- C. 2.
- D. A. 1.

Câu 8. Tổ chức nào sau đây là tế bào?

- A. Giun đũa.
- B. Ti thể.
- C. Mô gan.
- D. Vi khuẩn.

Câu 9. Đặc điểm nào sau đây ở tế bào sinh vật nhân sơ giúp chúng có khả năng tiếp hợp với nhau hay bám dính lên các bề mặt khác?

- A. Màng ngoài.
- B. Roi.
- C. Lông.
- D. Thành tế bào.

Câu 10. Nhận xét nào sau đây là chính xác khi nói về các nguyên tố hóa học trong tế bào?

- A. Các nguyên tố vi lượng là các nguyên tố tham gia rất ít vào các quá trình sinh hóa của tế bào.
- B. Động vật có nhu cầu về hàm lượng các nguyên tố hóa học cao hơn thực vật.
- C. Mọi sinh vật đều có thành phần nguyên tố hóa học cơ bản giống nhau.
- D. Oxygen là nguyên tố đóng vai trò quan trọng nhất để cấu tạo nên tế bào.

Câu 11. Thành tế bào vi khuẩn được cấu tạo chủ yếu từ

- A. peptidoglycan.
- B. chitin.
- C. carbohydrate.
- D. cellulose.

Câu 12. Hoạt động nào sau đây **không** cần năng lượng cung cấp từ ATP?

- A. Tim co bóp đẩy máu chảy vào động mạch
- B. Tế bào thận vận chuyển chủ động ure và glucose qua màng.
- C. Vận chuyển ôxi qua màng sinh chất
- D. Vận động viên đang nâng quả tạ

Câu 13. Nhóm các cá thể của nhiều loài tồn tại trong cùng một khu vực địa lí ở cùng một thời điểm sẽ tạo thành cấp độ tổ chức nào sau đây?

- A. Quần xã.
- B. Quần thể.
- C. Hệ sinh thái.
- D. Sinh quyển.

Câu 14. Thành tựu của ngành pháp y là

- A. sử dụng dấu vân tay DNA để truy tìm chủ nhân của các vụ án.
- B. sản xuất ra nhiều loại thức ăn, nước uống có giá trị dinh dưỡng cao
- C. giúp con người sản xuất nhiều loại thuốc.
- D. tạo những giống vật nuôi, cây trồng có năng suất, chất lượng cao.

Câu 15. Chúng ta cần phải bổ sung nước mỗi ngày cho cơ thể vì

- A. hầu hết các phản ứng sinh hóa của tế bào đều diễn ra trong nước.
- B. nước là phân tử duy nhất có khả năng phân cực trong tế bào.
- C. nước bao bọc tế bào giúp hạn chế thất thoát nhiệt lượng ra môi trường.

D. hydrogen và oxygen trong nước là các nguyên tố vi lượng thiết yếu của cơ thể.

Câu 16. Vùng nhân của tế bào nhân sơ chứa 1 phân tử

- A. tRNA dạng vòng. B. DNA dạng vòng. C. mRNA dạng vòng. D. rRNA dạng vòng.

Câu 17. Các nguyên tố C, H, O, N chiếm khoảng bao nhiêu % khối lượng cơ thể sống?

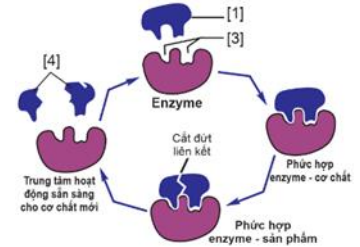
- A. 92%. B. 98%. C. 96%. D. 94%.

Câu 18. Đặc tính nào sau đây của nước **không** đóng vai trò quan trọng trong cơ thể sống?

- A. Là dung môi hòa tan được nhiều chất.
B. Phân tử phân cực.
C. Có hình dạng phụ thuộc vào vật chứa.
D. Tồn tại ở thể lỏng ở nhiệt độ thường.

Câu 19. Dựa vào sơ đồ minh họa về cơ chế tác động của enzyme, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- I. [1] là enzyme, [3] cơ chất.
II. [1] là enzyme, [2] cơ chất.
III. [2] là enzyme, [1] cơ chất, [3] trung tâm hoạt động của enzyme.
IV. [1] là enzyme, [2] cơ chất, [3] trung tâm hoạt động của enzyme [4] sản phẩm.



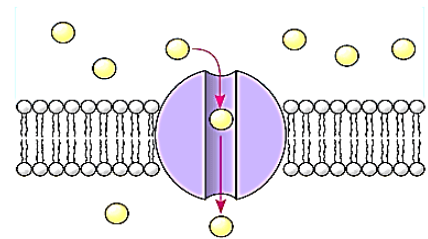
- A. 1. B. 4. C. 2. D. 3.

Câu 20. Trao đổi chất ở tế bào có hai hình thức chính đó là

- A. nhập bào và xuất bào.
B. vận chuyển thụ động và vận chuyển chủ động.
C. khuếch tán và thẩm thấu.
D. khuếch tán qua màng và khuếch tán qua kênh.

Câu 21. Dựa trên hình ảnh minh họa bên, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- I. Chất [●] có thể là CO_2 , O_2 , H_2O , ...
II. Chất [●] có thể đi qua kênh protein bề mặt.
III. Chất [●] qua màng không cần tiêu tốn ATP.
III. Chất [●] qua màng cần có chất mang (protein vận chuyển).
A. 4. B. 2. C. 1.



D. 3.

Câu 22. Câu nào sau đây **không** đúng với vai trò của nước trong cơ thể?

- A. Nước là thành phần cấu trúc của tế bào.
B. Nước tham gia vào quá trình chuyển hóa vật chất.
C. Nước trong tế bào luôn được đổi mới.
D. Nước cung cấp năng lượng cho tế bào hoạt động.

Câu 23. Sự chuyển hóa vật chất trong tế bào là sự chuyển đổi

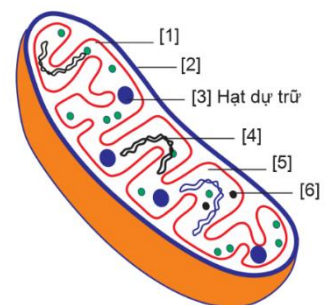
- A. các dạng năng lượng thành nhiệt năng.
B. dạng năng lượng này thành dạng năng lượng khác.
C. các liên kết hóa học thành năng lượng.
D. chất hóa học này thành chất hóa học khác.

Câu 24. Quá trình tổng hợp các chất trong tế bào có đặc điểm nào sau đây?

- A. Diễn ra trong môi trường ngoại bào.
B. Không có sự tham gia của enzyme.
C. Tiêu tốn năng lượng của tế bào.
D. Chỉ sử dụng các chất lấy từ môi trường.

Câu 25. Dựa trên hình cấu trúc ty thể. Có bao nhiêu nhận định sau đây đúng?

- I. [4] là phân tử DNA nhỏ, dạng vòng.
II. [1] là màng trong gấp nếp hình răng lược làm tăng diện tích bề mặt.
III. [5] là nơi diễn các phản ứng của hô hấp tế bào.
IV. Tế bào hoạt động càng nhiều thì càng có ít ti thể.



- A. 3. B. 1. C. 4. D. 2.

Câu 26. Tỷ lệ S/V được hiểu:

- A. Tỷ lệ S/V càng lớn thì bề mặt tiếp xúc với môi trường của cơ thể càng nhỏ.
B. Tỷ lệ S/V càng nhỏ thì trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường càng nhanh.
C. Tỷ lệ S/V càng lớn thì trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường càng chậm.
D. Tỷ lệ S/V càng lớn thì bề mặt tiếp xúc với môi trường của cơ thể càng lớn.

Câu 27. "Đàn voi sống trong rừng" thuộc cấp độ tổ chức sống nào dưới đây?

- A. Hệ sinh thái. B. Quần thể. C. Quần xã. D. Cá thể.

Câu 28. Theo học thuyết tế bào, tế bào

- A. là cấp độ tổ chức duy nhất thực hiện được đầy đủ các hoạt động sống cơ bản.
B. là cấp độ tổ chức sống nhỏ nhất cấu tạo nên mọi cơ thể sinh vật.
C. được sinh ra từ sự kết hợp của hai hay nhiều tế bào khác.
D. của các sinh vật khác nhau có thành phần hóa học hoàn toàn khác nhau.

Câu 29. Trong mô hình VAC (Vườn - Ao - Chuồng), các thành phần có mối quan hệ mật thiết: Chất thải của vật nuôi là phân bón cho cây trồng và thức ăn cho cá; ngược lại, vườn và ao cung cấp thức ăn, nước uống cho vật nuôi. Nhờ vòng tuần hoàn vật chất này mà hệ thống luôn ổn định và phát triển. Đây là ví dụ minh họa cho đặc điểm nào sau đây của các cấp độ tổ chức sống?

- A. Các cấp độ tổ chức sống có đặc tính nổi trội.
B. Các cấp độ tổ chức sống là những hệ thống mở và tự điều chỉnh.
C. Tất cả các cấp độ tổ chức sống đều được cấu tạo từ tế bào.
D. Thế giới sống được tổ chức thành nhiều cấp bậc từ nhỏ đến lớn.

Câu 30. Các tế bào trao đổi thông tin với nhau chủ yếu bằng tín hiệu dưới dạng

- A. sóng từ trường. B. các tác động vật lí.
C. các chất hóa học. D. xung thần kinh.

Câu 31. Đặc điểm nào sau đây là của tế bào nhân sơ?

- A. NST đơn. B. Chưa có NST. C. Đã có NST. D. Có NST kép.

Câu 32. Bào quan thực hiện quá trình hô hấp cung cấp năng lượng cho tế bào, được thực hiện ở bào quan nào?

- A. Ti thể. B. Bộ máy golgi. C. Perisosome. D. Lục lạp.

Câu 33. Gan nhiễm mỡ là một trong những bệnh lí về gan phổ biến nhất ở người nghiện rượu. Rượu sẽ kích thích phát triển bào quan nào sau đây ở tế bào gan?

- A. Lưới nội chất hạt. B. Lưới nội chất trơn.
C. Bộ máy Golgi. D. Lysosome.

Câu 34. Xu hướng nghiên cứu sinh học nào sau đây **không** hướng tới sự phát triển bền vững môi trường sống và giải quyết những vấn đề toàn cầu?

- A. Phát triển các giống sinh vật mới chú trọng hoàn toàn vào lợi ích kinh tế.
B. Nghiên cứu xu hướng tiến hóa của sinh vật và các yếu tố ảnh hưởng.
C. Nghiên cứu phương pháp hạn chế khả năng sinh sản của các giống loài.
D. Phát triển các giống vi sinh vật có khả năng phân hủy chất thải nhựa.

Câu 35. Phát biểu sau đây đúng về carbohydrate?

- A. Gồm nhiều đường đơn (monosaccharide) liên kết với nhau bằng liên kết glicosidic
B. Gồm 2 phân tử đường đơn (monosaccharide) liên kết với nhau bằng liên kết glicosidic
C. Carbohydrate là hợp chất hữu cơ có thể được cấu tạo chủ yếu từ 4 nguyên tố C, H, O, N
D. Được cấu tạo theo nguyên tắc đa phân, một trong các đơn phân chủ yếu là các đường đơn (monosaccharide) 6 cacbon

Câu 36. Vùng cấu trúc không gian đặc biệt của enzyme, vị trí chuyên liên kết với cơ chất được gọi là

- A. trung tâm vận động B. trung tâm điều khiển
C. trung tâm hoạt động D. trung tâm phân tích

Câu 37. Các nguyên tố hóa học **chiếm phần lớn** khối lượng cơ thể sống là

- A. P, S, N, Na. B. C, H, O, N. C. C, O, H, Na. D. C, H, O, Na.

Câu 38. Khi nói đến vật chất di truyền trong nhân tế bào nhân thực, phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Có DNA cấu trúc mạch đơn, dạng không vòng.
B. Có DNA cấu trúc mạch vòng.
C. Có DNA cấu trúc mạch kép, dạng vòng.
D. Có DNA cấu trúc mạch kép, dạng không vòng.

Câu 39. Hình ảnh sau mô tả cấu trúc của bào quan nào trong tế bào sinh vật nhân thực?



- A. Ti thể. B. Lục lạp. C. Lysosome. D. Nhân.

- Câu 40.** Trong phân tử DNA và RNA, các đơn phân nucleotide liên kết với nhau tạo thành chuỗi
A. polysaccharide. **B.** polypeptide. **C.** polynucleic. **D.** polynucleotide.
- Câu 41.** Ở sinh vật nhân thực, bào quan nào sau đây thực hiện quá trình hô hấp tế bào?
A. Ti thể. **B.** Lưới nội chất **C.** Peroxisome. **D.** Không bào.
- Câu 42.** Nguồn năng lượng phổ biến cho các phản ứng hóa sinh xảy ra bên trong tế bào là
A. quang năng. **B.** nhiệt năng. **C.** hóa năng. **D.** cơ năng.
- Câu 43.** Nơi diễn ra các phản ứng hoá sinh của tế bào là
A. màng tế bào. **B.** tế bào chất. **C.** nhân. **D.** thành tế bào.
- Câu 44.** Nước được vận chuyển qua màng theo cơ chế
A. thẩm thấu. **B.** xuất - nhập bào. **C.** ẩm bào. **D.** thực bào
- Câu 45.** Thành phần nào sau đây **không** có trong tế bào sinh vật nhân sơ?
A. Ribosome. **B.** Nhân. **C.** Plasmid. **D.** Thành tế bào.
- Câu 46.** Trong quá trình quang hợp, oxi được giải phóng ở
A. Pha sáng do phân li CO_2 nhờ năng lượng ánh sáng mặt trời.
B. Pha tối nhờ quá trình phân li CO_2 .
C. Pha tối nhờ quá trình phân li nước.
D. Pha sáng nhờ quá trình phân li nước.
- Câu 47.** Trong pha sáng quá trình quang hợp, nguyên liệu tham gia là gì?
A. H_2O , ADP, NADP **B.** ATP, NADPH. **C.** ATP, H_2O . **D.** ADP, O_2 .

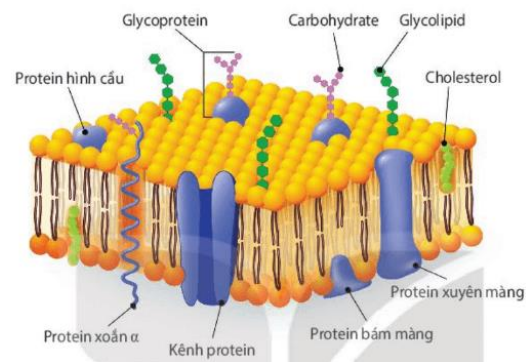
PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.

Câu 1. Một nhà khoa học đã sử dụng các đồng vị phóng xạ để đánh dấu các amino acid có trong protein của cá rô phi và chỉ cho mèo ăn cá đó. Các điều kiện chăm sóc khác đều bình thường. Sau một thời gian dài, kết quả khi phân tích protein của mèo cho thấy một số protein có chứa các amino acid đánh dấu phóng xạ trên nhưng nằm rải rác ở những vị trí khác nhau của các chuỗi polypeptide. Một số protein khác bị mất chức năng do thiếu mất một đến hai loại amino acid.

- a)** Protein là nguyên liệu chính cấu tạo nên cơ thể sinh vật
b) Protein của cá và mèo được cấu thành từ các đơn phân khác nhau.
c) Hiện tượng protein của mèo chứa các amino acid đánh dấu phóng xạ nằm rải rác là bởi có sự sắp xếp lại trình tự các amino acid trong tế bào được quy định bởi gene
d) Kết quả thí nghiệm trên cho thấy tầm quan trọng của việc ăn kết hợp các loại thức ăn

Câu 2. **Hình 1** mô tả cấu trúc của màng tế bào. Dựa vào những hiểu biết về màng tế bào, hãy cho biết mỗi nhận định sau đây là đúng hay sai?

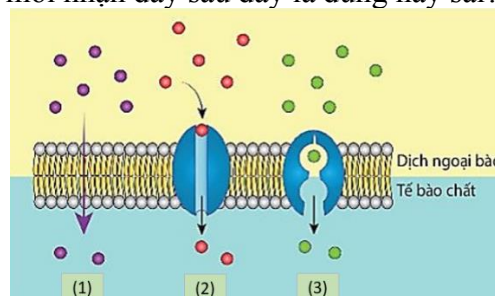
- a)** Thành phần protein màng tế bào gồm hai loại là protein bám màng và protein xuyên màng.
b) Nhiều phân tử phospholipid nằm xen kẽ với các phân tử cholesterol giúp tăng tính ổn định của màng tế bào.
c) Màng tế bào gồm hai thành phần chính là lớp kép phospholipid và các loại protein.
d) Tính “động” của màng tế bào là do các phân tử protein luôn chuyển động.



Hình 1

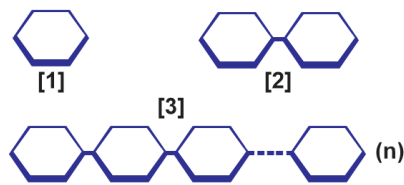
Câu 3. **Hình 2** mô tả quá trình vận chuyển các chất qua màng tế bào. Dựa vào những hiểu biết về vận chuyển các chất qua màng tế bào, hãy cho biết mỗi nhận định sau đây là đúng hay sai?

- a)** (2) là khuếch tán qua kênh protein.
b) Cả ba hình thức vận chuyển (1), (2) và (3) đều cần năng lượng.
c) (1) là khuếch tán qua lớp phospholipid kép.
d) (3) là vận chuyển chủ động.



Hình 2

CÂU 4 Mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai về carbohydrate trong tế bào theo hình sau?



- a) [1] là một loại đường đơn (monosaccharide).
 b) [2] là một loại đường đôi (disaccharide).
 c) [3] là một loại đường đa (polysaccharide).
 d) Dạng đường thực hiện trực tiếp trong cung cấp năng lượng là [1].

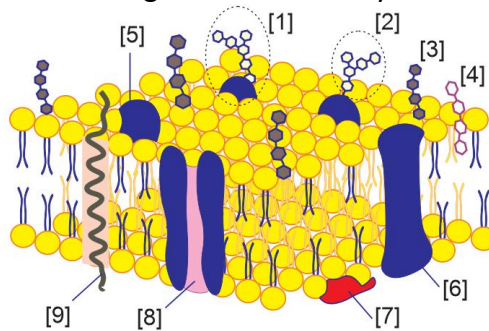
CÂU 5

Mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai về thành và màng sinh chất tế bào vi khuẩn?

- a) Bên dưới thành tế bào là lớp màng tế bào hay còn gọi là màng sinh chất.
 b) Màng tế bào còn là nơi diễn ra các quá trình chuyển hoá vật chất và năng lượng của tế bào.
 c) Màng tế bào nhân sơ cũng như tế bào nhân thực đều được cấu tạo bởi hai thành phần chủ yếu là lớp kép phospholipid và protein.
 d) Nếu bị tác động chất kháng sinh thì màng vi khuẩn có thể đào thải, ngăn cản sự thẩm thấu của chất kháng sinh xâm nhập gây hại.

CÂU 6

Hình sau đây mô tả về cấu trúc của màng sinh chất sau đây:

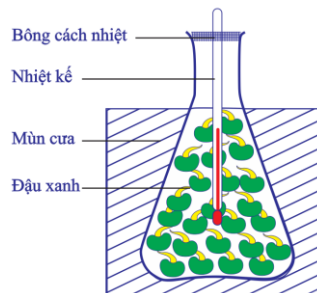


Mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai về hình này?

- a) [1] là các phân tử glycoprotein.
 b) [8] là kênh protein.
 c) [6] Protein xuyên màng
 d) Màng này có tính khảm động, nhờ tính này mà màng linh động và có thể cho các chất qua một cách chọn lọc.

Câu 7

Thí nghiệm chứng minh quá trình hô hấp tế bào sau đây:



Mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai về thí nghiệm này?

- a) Nhiệt độ của bình chứa hạt đậu nảy mầm sẽ tăng lên.
 b) Trong bình có sinh ra nhiều lượng CO_2 hơn ngoài bình.
 c) Trong bình các hạt đậu có quá trình hô hấp mạnh đang diễn ra.
 d) Nếu đem hạt nảy mầm luộc chín để nguội đưa vào bình thì nhiệt độ sẽ không tăng hơn bên ngoài, chứng tỏ hô hấp sinh nhiệt.

Câu 8. Cho một số mẫu tế bào động vật và tế bào thực vật vào ba môi trường khác nhau có chứa nồng độ dung dịch muối như sau:

- Môi trường 1: Dung dịch muối NaCl nồng độ 0,9%.
- Môi trường 2: Dung dịch muối NaCl nồng độ 0,05%.
- Môi trường 3: Dung dịch muối NaCl nồng độ 9%.

Biết rằng khi quan sát tế bào ở môi trường 1 thì hình dạng tế bào động vật và tế bào thực vật không có sự thay đổi.

- a) Đối với tế bào động vật, dung dịch 1 là ưu trương, 3 là nhược trương
 b) Trong môi trường nhược trương, chỉ có tế bào động vật bị vỡ, còn tế bào thực vật thì không

- c) Các ion Na^+ và Cl^- khuếch tán qua màng tế bào là nguyên nhân dẫn tới hiện tượng co nguyên sinh
d) Khi cơ thể bị mất nước (như bị ốm, sốt cao, tiêu chảy,...), nên pha nước muối theo tỉ lệ 9 g muối/1 L nước để uống sẽ có tác dụng tốt hơn uống nước thông thường

Câu 9. Tại ống thận, nồng độ glucose trong nước tiểu thấp hơn trong máu nhưng vẫn được các tế bào thận hấp thụ và đưa lại về máu. Quá trình này đảm bảo rằng glucose, một nguồn năng lượng quan trọng cho cơ thể, không bị mất đi qua nước tiểu.

- a) Quá trình trên tiêu tốn năng lượng của tế bào
b) Quá trình trên được thực hiện nhờ cơ chế thẩm thấu
c) Nếu kết quả phân tích nước tiểu phát hiện glucose thì có khả năng người đó bị tiểu đường.
d) Nồng độ glucose trong máu quá cao và không được kiểm soát trong thời gian dài có thể dẫn tới suy thận.

Câu 10. Các cấp độ tổ chức tạo nên hệ tiêu hóa trong cơ thể người từ nhỏ đến lớn gồm có: (1) Các nguyên tử C, H, O, N,... → (2) Carbohydrate, protein, nucleic acid,... → (3) Nhân, ti thể, màng sinh chất,... → (4) Tế bào biểu mô ruột → (5) Biểu mô ruột → (6) Ruột non → (7) Hệ tiêu hóa → (8) Cơ thể.

- a) Cấp độ số 3 là được gọi là cơ quan.
b) Cấp độ số 5 được gọi là mô.
c) Chức năng hấp thụ dinh dưỡng có ở cấp độ 4.
d) Tế bào chỉ hấp thụ được chất dinh dưỡng được phân giải đến cấp độ 1.

PHẦN III: Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 15 đến câu 18.

Câu 1. So sánh cấu tạo và chức năng của ba bào quan: Lysosome, không bào trung tâm và peroxisome. Chúng có bao nhiêu điểm giống nhau trong các đặc điểm dưới đây?

- a. Có cấu tạo màng đơn.
b. Có chức năng bảo vệ tế bào.
c. Có trong tế bào thực vật và động vật.
d. Mang vật chất di truyền.
e. Có khả năng nhân đôi độc lập với tế bào.
f. Chứa các enzyme phân giải.

Trả lời:

Câu 2. Phân tử DNA có bao nhiêu loại đơn phân?

Câu 3. Khi nói về cấu trúc và chức năng của protein và các amino acid, có bao nhiêu phát biểu dưới đây là chính xác?

- a. Protein là một đại phân tử sinh học có cấu tạo theo nguyên tắc đa phân.
b. Protein có 4 bậc cấu trúc và đều thực hiện chức năng sinh học.
c. Các amino acid mang tính chất của cả acid và base.
d. Hầu hết sinh vật đều được cấu tạo chỉ từ 20 loại amino acid.
e. Trình tự amino acid là đặc trưng cho từng loài.
f. Khi thủy phân protein bởi nhiệt độ, cấu trúc bậc 1 là cấu trúc bị phá vỡ đầu tiên.
g. Cấu trúc bậc 3 là cơ sở xác định quan hệ họ hàng giữa các loài.

Trả lời:

Câu 4. Có bao nhiêu hoạt động sau đây của tế bào tiêu tốn năng lượng ATP?

- (1). Vận chuyển chủ động. (2). Vận chuyển thụ động. (3). Tổng hợp các chất. (4). Sinh công cơ học.

Câu 5. Cho các chất sau đây: H_2O ; Na^+ ; Ca^{2+} ; K^+ ; Cl^- ; O_2 ; CO_2 ; các vitamin tan trong lipid (A, E,...); protein; amino acid; glucose. Có bao nhiêu chất có khả năng đi xuyên qua trực tiếp lớp màng tế bào mà không cần tiêu tốn năng lượng?

Trả lời:

Câu 6. Quá trình truyền tin trong tế bào phải trải qua mấy giai đoạn chính?

Trả lời:

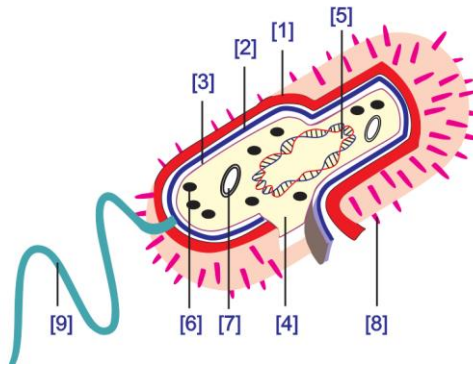
Câu 7. Có bao nhiêu bào quan sau đây có cấu tạo màng kép: ribosome, lục lạp, peroxysome, bộ máy Golgi, ti thể, lưới nội chất trơn, lysosome, không bào?

Câu 8. Các bậc cấu trúc của protein gồm bao nhiêu bậc?

Câu 9: Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng về carbonhydrate- chất đường bột?

- Chitin được cấu tạo thành tế bào ở một số loài động vật.
- Chitin được cấu tạo nhiều phân tử glucose hoặc galactose và gắn thêm nhóm amino.
- Chitin được cấu tạo nhiều phân tử fructose lên kết nhau bởi glicosidic và phân nhiều nhánh.
- Chitin được cấu tạo nhiều phân tử galactose lên kết nhau bởi glicosidic và không phân nhánh

Câu 10: Quan sát hình vẽ mô phỏng tế bào nhân sơ sau đây:



Vị trí nào [?] trên hình là vùng nhân của vi khuẩn?

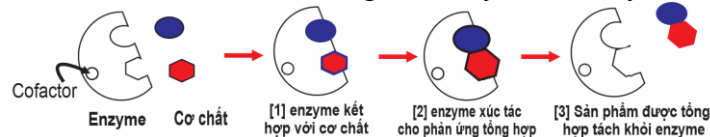
Câu 11: Có bao nhiêu đặc điểm sau đây thuộc về tế bào nhân sơ?

- Hệ thống nội màng.
- Khung xương tế bào.
- Các bào quan có màng bao bọc.
- Ribosome và các hạt dự trữ.
- Có màng sinh chất.
- Thành tế bào.
- Tế bào chất.

Câu 12: Khi nói về ATP, có bao nhiêu nhận định sau đây đúng?

- Quá trình tổng hợp và phân giải ATP gắn liền với sự tích lũy và giải phóng năng lượng.
- Phân tử ATP là phân tử duy nhất có thể mang năng lượng trong tế bào.
- Phân tử ATP là phân tử mang nhiều năng lượng nhất trong tế bào và cơ thể.
- Phân tử ATP có liên kết cao năng nên rất thích hợp làm chất dự trữ năng lượng.

Câu 13: Dựa vào sơ đồ minh họa về cơ chế tác động của enzyme sau đây:



Sơ đồ này có mấy loại enzyme xúc tác?

Phần IV: TỰ LUẬN:

BÀI 10: Trao đổi chất qua màng tế bào

Bài 13: khái quát về chuyển hóa vật chất và năng lượng

- So sánh tế bào nhân sơ, tế bào nhân thực
- Đặc điểm của 1 số bào quan: màng tế bào, lưới nội chất, ti thể, lục lạp, nhân tế bào

